Đôi Điều Bàn về 12 Cung Vô Chính Diệu

Đặng Xuân Xuyến

Bàn về cung vô chính diệu, sách TỬ VI CHÂN TRUYỀN viết:

> *"Đối với trường hợp Mệnh vô chính diệu hoặc cung vô chính diệu nói chung đều lấy chính tinh ở cung xung chiếu làm căn bản để luận đóan cho đến khi bước vào đại vận có chính tinh thì lại lấy chính tinh của đại vận để luận đoán (không sử dụng được chính tinh ở các cung tam hợp vì không nằm trong trục đối xứng xung khắc về Ngũ hành nên tính chất không đủ mạnh). Nếu không thể lấy chính tinh cung xung chiếu thì bắt buộc phải xem mệnh nằm trong trạng thái nào của vòng Trường sinh để luận đoán sự thọ yểu của Mệnh có kéo dài được đến đại vận tiếp theo hay không và sử dụng sao đó để luận đoán về hình thức căn bản của Mệnh. Cung vô chính diệu giống như một hố đen của vũ trụ câu hút được năng lượng từ các cung xung chiếu và tam hợp cho dù các cung đó có Tuần - Triệt hay không. Như một tổ chức chưa được định hình, một đội quân chưa có người lãnh đạo vì vậy tính chất của các phụ tinh thể hiện một cách tự do không có định hướng, khi gặp vận có chính tinh hoặc cung xung chiếu có chính tinh thì đó chính là sự định hướng sự phát triển cho cung đó.*
> *Trường hợp cung vô chính diệu có Tuần - Triệt thì cũng không sử dụng được các sao xung chiếu cũng như tam hợp như khi cung Vô chính diệu không có Tuần - Triệt mà phải căn cứ vào trạng thái vượng suy của cung theo vòng Trường sinh và chỉ sử dụng các sao tại bản cung để xét đoán cho đến khi nhập vận có chính tinh.*
> *Trường hợp Mệnh hoặc Cung vô chính diệu có Tuần (Triệt) và cung đối xứng có Triệt (Tuần) thì khi đại vận chưa nhập vào cung Vô chính diệu thì vẫn chỉ sử dụng các sao tại bản cung để luận cho đến khi vận nhập vào cung Vô chính diệu thì cách luận như đối với trường hợp Tuần - Triệt tháo gỡ nhau."*

Nhưng như thế thì khái quát quá, sẽ khó khăn cho người mới chập chững làm quen với khoa Tử Vi. Vì thế, người viết đã soạn **ĐÔI ĐIỀU BÀN VỀ 12 CUNG VÔ CHÍNH DIỆU** để cụ thể hơn, đơn giản hơn cho việc tự học và ứng dụng kiến thức khoa Tử Vi vào cuộc sống với người chập chững làm quen với môn khoa học "huyền diệu" này.

A. VÀI NÉT CHUNG CỦA CUNG VÔ CHÍNH DIỆU:

Thế nào gọi là cung vô chính diệu? Cung Vô Chính Diệu là cung không có chính tinh tọa thủ.
Cung nào không có chính tinh tọa thủ thì cung đó gọi là cung Vô Chính Diệu, chẳng hạn: Mệnh Vô Chính Diệu, Bào Vô Chính Diệu, Quan Vô Chính Diệu, Điền Vô Chính Diệu...

Khi luận giải, thường áp dụng: Lấy chính tinh tọa thủ của cung xung chiếu làm chính tinh tọa thủ cho cung vô chính diệu nhưng dù có được chính tinh sáng sủa xung chiếu, được Tuần Triệt án ngữ thì cũng chỉ đưa đến sự tốt đẹp cho cung vô chính diệu ở mức 7 hoặc 8 phần, chứ không thể rực rỡ cả 10 phần như có chính tinh sáng sủa tọa thủ được.

Tuy nhiên, nếu rơi vào 3 trường hợp dưới đây thì không áp dụng theo thông lệ:

1. Vô Chính Diệu có hung tinh đắc địa độc thủ:

Trường hợp này hung tinh đắc địa phải là hành Hỏa hoặc hành Kim, hợp với hành bản Mệnh và không bị Tuần Triệt án ngữ, mới được hưởng thế đẹp của hung tinh đó đem đến.

2. Chỉ khi nào rơi vào hai trường hợp:

Được Nhật Nguyệt xung chiếu hoặc tam hợp chiếu (Nhật Mão, Nguyệt Mùi) thì mới sử dụng bộ Nhật Nguyệt làm nòng cốt, còn các trường hợp khác dù có Nhật Nguyệt chiếu cũng lấy chính tinh xung chiếu làm chính tinh tọa thủ.

3. Vô Chính Diệu Đắc Tam Không:

Chỉ khi nào vô chính diệu có Tuần hoặc Triệt thủ, được 2 trong 3 sao là Tuần, Triệt, Thiên Không chiếu thì mới là cách Vô Chính Diệu Đắc Tam Không. Với cách này mệnh Hỏa đẹp hơn Mệnh Kim, các Mệnh khác tuy không giàu có nhưng cuộc sống không đến nỗi xấu, cũng được tạm đủ hoặc kha khá. Trường hợp này, nếu có hung tinh tọa thủ dù lạc hãm cũng chỉ làm xấu một chút, không đáng lo ngại lắm về họa của sao này gây ra.

Những điểm cần lưu ý với cung vô chính diệu:

- Ngoại trừ trường hợp cung Vô Chính Diệu có hung tinh đắc địa độc thủ thì không nên có Tuần, Triệt án ngữ, còn các trường hợp khác của cung Vô Chính Diệu đều rất cần có Tuần hoặc Triệt án ngữ. Nếu không có Tuần, Triệt án ngữ thì ảnh hưởng của chính tinh xung chiếu yếu đi, và dù có nhiều sao sáng sủa hội chiếu thì sự tốt đẹp cũng chỉ ở mức độ trung bình khá. Khi cung Vô Chính Diệu có Tuần hoặc Triệt án ngữ thì ban đầu tuy có gặp khó khăn, trở ngại nhưng về sau lại thuận lợi, tốt đẹp. Tuần Triệt ở đây còn có tác dụng ngăn trở các sao xấu chiếu về cung Vô Chính Diệu, và giải cứu được trường hợp "phi yểu tắc bần" nếu Mệnh Vô Chính Diệu.

- - Vô Chính Diệu được Tuần án ngữ tốt đẹp hơn được Triệt án ngữ. Nếu Tuần Triệt án ngữ đồng cung thì cung Vô Chính Diệu này chỉ ở mức độ trung bình, không tốt cũng không xấu. Trường hợp này không cần quá chú trọng đến các sao hội chiếu vì ảnh hưởng của các sao này không nhiều vì Tuần đã ngăn các sao tốt chiếu về, còn Triệt thì ngăn cản các hung tinh chiếu tới trong khi các sao tại bản cung thì bị cả Tuần lẫn Triệt vây trảm.
-
- - Chỉ khi nào ở Tứ Mộ thì cung Vô Chính Diệu mới được hưởng những cách hay của các sao tam hợp chiếu. Còn tại các cung khác, cung Vô Chính Diệu chỉ chịu ảnh hưởng của các sao trực chiếu. Đặc biệt, tại Tứ Mộ thì Vô Chính Diệu rất cần Tuần Triệt án ngữ.

- -Trường hợp vô chính diệu được 3 sao Tuần, Triệt, Thiên Không hợp chiếu mà không có Tuần, Triệt án ngữ thì là cách Kiến Không.

- Trường hợp vô chính diệu được 3 sao Tuần, Triệt và Địa Không hợp chiếu thì không tính là cách đắc tam không.

- "Trường hợp cung vô chính diệu có Tuần - Triệt thì cũng không sử dụng được các sao xung chiếu cũng như tam hợp như khi cung Vô chính diệu không có Tuần - Triệt mà phải căn cứ vào trạng thái vượng suy của cung theo vòng Trường sinh và chỉ sử dụng các sao tại bản cung để xét đoán cho đến khi nhập vận có chính tinh." (theo TỬ VI CHÂN TRUYỀN)

- Trường hợp vô chính diệu mà không có Tuần, Triệt án ngữ, lại có sao Thiên Không thủ là cách ngộ Không, là người quyền biến khôn ngoan nhưng cuộc đời thăng trầm cực khổ. Nếu gặp thêm các sao Không khác hội chiếu thì càng xấu, cuộc đời hoặc thăng trầm cực khổ hoặc sẽ bị chết yểu. Nếu lại có hung tinh lạc hãm, khác với hành của bản Mệnh tọa thủ thì càng nguy hiểm hơn.

- "Trường hợp Mệnh hoặc Cung vô chính diệu có Tuần (Triệt) và cung đối xứng có Triệt (Tuần) thì khi đại vận chưa nhập vào cung Vô chính diệu thì vẫn chỉ sử dụng các sao tại bản cung để luận cho đến khi vận nhập vào cung Vô chính diệu thì cách luận như đối với trường hợp Tuần - Triệt tháo gỡ nhau." (theo TỬ VI CHÂN TRUYỀN)

B. Khái Quát về Các Cung Vô Chính Diệu

Ở phần trên, người viết đã khái quát những nét chung của cung Vô Chính Diệu để bạn đọc lưu ý khi coi số. Ở phần này, người viết trình bày khái quát về 12 cung Vô Chính Diệu để bạn đọc khi lướt qua lá số, có thể "nhìn thấy" được "VẤN ĐỀ" nằm ở đâu trên 12 cung của lá số mà đưa ra vài lời nhận xét khái quát về cung đó.

Đánh giá về sự tốt xấu của các cung (vô chính diệu) thì tùy từng trường hợp mà luận giải, nhưng căn bản cũng dựa vào cách đánh giá cung vô chính diệu như đã trình bày ở phần trên. Khi luận giải, sự gia giảm mức độ tốt xấu phải dựa trên bối cảnh Mệnh - Thân - Phúc - Hạn và các sao khác thủ chiếu tại cung vô chính diệu đó để gia giảm mức độ tốt xấu.

Vài nét sơ luận về 12 cung:

1. MỆNH:

Mấy lưu ý về người Mệnh Vô Chính Diệu:

- Lúc còn nhỏ thường vất vả, lận đận, hoặc hay đau yếu, khó nuôi. Lớn lên, giảm thiểu được bệnh tật, tai họa do nhạy bén hoặc linh cảm được được sự việc sắp xảy ra. Nếu là con trưởng thì không sống gần cha mẹ, nếu gần cha mẹ thì dễ chết non hoặc nghèo hèn.
- Thường là con vợ hai, vợ lẽ hoặc nàng hầu. (Điều này người viết thấy không mấy đúng nhưng vì sách Tử Vi nói vậy nên cứ liệt kê.)
- Cuộc sống trôi nổi, cho dù đắc cách thì cũng hoặc phú quý chỉ một thời, hoặc đáng được hưởng phú quí thì lại chết.
- Làm phụ tá thì bền, làm trưởng thì không bền. Vì thế nên hoạt động trong bóng tối hoặc ẩn danh đi là cách tốt nhất.
- Không có lập trường vững vàng, tư tưởng không ổn định (trừ một số trường hợp đặc biệt đã nêu ở phần A) nhưng dễ thích ứng với hoàn cảnh.
- Nữ Mệnh Vô Chính Diệu thì đỡ xấu hơn Nam Mệnh Vô Chính Diệu
- Mệnh Vô Chính Diệu thì cần Hỏa mệnh và Kim mệnh vì Mệnh Vô Chính Diệu như nhà không nóc, cần bản mệnh có hành khí mạnh mẽ cứng cỏi làm nồng cốt. Các mệnh khác như Thổ, Thủy, Mộc thì không tốt.
- Mệnh Vô Chính Diệu Đắc Tam Không thì khi đương số sinh ra, bố mẹ thường hoặc sẽ phát đạt hoặc bị khủng hoảng, tai nạn trong một thời gian. Và cuộc đời đương số bao giờ cũng có sự thay đổi bất ngờ.
- Mệnh Vô Chính Diệu có hung tinh độc thủ thì cần đồng hành với bản Mệnh mới là thật tốt.
- Mệnh Vô Chính Diệu mà không có Tuần, Triệt án ngữ, lại có sao Thiên Không thủ, gọi là cách ngộ Không, là người quyền biến khôn ngoan nhưng cuộc đời thăng trầm cực khổ. Nếu thêm các sao Không khác hội chiếu thì càng xấu, cuộc đời hoặc thăng trầm cực khổ hoặc sẽ bị chết yểu. Nếu lại có hung tinh lạc hãm, khác với hành của bản Mệnh tọa thủ thì càng nguy hiểm hơn.
- Mệnh Vô Chính Diệu có tam không (Thiên không, Địa không, Địa kiếp), được nhiều cát tinh hội họp, lại có các vận liên tiếp tốt đẹp thì đương số thường được sung sướng từ bé nhưng dễ bị yểu tử.
- Mệnh Vô Chính Diệu nếu có sao Thiên Tướng, Tướng Quân... đóng mà gặp Tuần Triệt án ngữ thì dễ đưa đến tai họa bất ngờ cho đương số.
- Mệnh vô chính diệu mà cung Tử cũng vô chính diệu thì cả đời không con hoặc khổ về vấn đề con cái.

2. QUAN LỘC

Quan Lộc vô chính diệu thì đương số thường không bền chí, nghề nghiệp cũng hay thay đổi, công danh thấp, bình thường, hoặc có công danh nhưng không bền. Nếu không rơi vào những trường hợp đặc biệt thì dù được các sao sáng sủa hội họp nhưng đường quan lộc cũng không hiển đạt.

- Nếu Quan Lộc vô chính diệu, có hung tinh độc thủ thì hoạch phát công danh nhưng cũng không được bền
- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì công danh tuy chậm nhưng cũng tạm khá, đương số thường hoạt động trên lĩnh vực chính trị hoặc kinh tế. Trường hợp này nếu được Tuần hoặc Triệt án ngữ sẽ làm tăng vẻ tốt đẹp của công danh, càng về sau công danh càng tốt tuy ban đầu có gặp trắc trở. (Cũng cần lưu ý rằng: gặp Tuần thì công danh tuy buổi đầu có trắc trở nhưng sau vẫn sáng lạn còn gặp Triệt thì chỉ khá hơn chút chút và công danh không bền.)
- Trường hợp có Tuần Triệt án ngữ và được nhiều sao sáng sủa hội chiếu thì công danh cũng trước bị trở ngại, sau tuy có khá nhưng sự nghiệp cũng không được bền, thường hoạnh phát hoạnh phá. Nếu Tuần Triệt án ngữ đồng cũng thì công danh chỉ ở mức bình thường cho dù có được các yếu tố khác như Mệnh Thân Phúc Hạn… tốt đẹp.

3. TÀI BẠCH

Tài Bạch vô chính diệu thì tiền tài không đều đặn, lúc có lúc không, nếu có tiền của thì cũng không tụ được lâu, tụ tán thất thường. Cho dù có được nhiều sao sáng sủa hội họp, lại lấy chính tinh xung chiếu (đắc địa) làm tọa thủ thì cũng không thể giàu có lớn được.

- Nếu Tuần Triệt án ngữ thì đương số may mắn hơn trong việc kiến tạo tiền bạc cho mình. Trường hợp này, nếu được nhiều sao tốt đẹp hội chiếu thì ban đầu kiếm tiền thường khó khăn, sau mới thuận lợi nhưng cũng không thể giàu có được.
- Nếu có hung tinh đắc địa độc thủ thì sẽ hoạnh phát nhưng thường hoạnh phá, không bền, chỉ giàu có một giai đoạn.
- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì thật tốt đẹp, may mắn về tiền bạc, nhất là càng về già càng nhiều tiền của. Trường hợp này, nếu được thêm Tuần, Triệt án ngữ, đặc biệt là Tuần, thì đương số sẽ thêm nhiều may mắn, thuận lợi trong việc kiếm tiền và chắc chắn là người giàu có lớn.

4. THIÊN DI

Thiên Di vô chính diệu thì nhìn chung sẽ không thể giàu có lớn được, cho dù có nhiều sao sáng sủa hợp chiếu. Ra ngoài dễ bị chi phối (tiêu cực) bởi môi trường, ngoại cảnh.

- Nếu được Tuần Triệt án ngữ thì cuộc sống sẽ tốt hơn nhưng lại dễ chết xa nhà.
- Nếu Hung sát tinh độc thủ thì ra ngoài dễ kiếm tiền, thường kiếm được tiền một cách bất ngờ, nhưng lại hao hụt nhanh chóng, kiểu hoạnh phát hoạnh phá vậy.
- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì khá tốt đẹp, đương số sẽ gặp nhiều may mắn, thuận lợi khi ra ngoài. Trường hợp này, nếu được Tuần, Triệt án ngữ (nhất là Tuần) thì sự may mắn, thuận lợi tăng lên nhiều.

5. PHÚC ĐỨC

Phúc vô chính diệu thì đương số thường phải xa cách họ hàng hoặc không được sống gần người thân, ruột thịt. Nếu được chính tinh sáng sủa xung chiếu và cát tinh hội họp thì chắc chắn đương số sẽ được hưởng phúc, sống lâu và may mắn.

- Nếu Phúc cung vô chính diệu đắc tam không tất sẽ được hưởng phúc lộc dồi dào. Tuy nhiên, chỉ những người Mệnh Kim, Mệnh Hỏa mới được hưởng hết những ưu điểm của cách này, kỳ dư các Mệnh khác, được hưởng không nhiều.
- Nếu Hung Tinh đắc địa độc thủ thì đương số cũng được hưởng phúc lộc nhưng chỉ trong một giai đoạn mà thôi. Tại Dần Thân nếu gặp Đà La độc thủ thì thường hưởng phúc, sống lâu.
- Nếu Phúc vô chính diệu được Nhật Nguyệt sáng sủa hợp chiếu thì rất tốt, đương số được hưởng phúc, sống lâu, được nhờ cậy họ hàng. Trường hợp này, nếu gặp Tuần Triệt án ngữ thì số mệnh của đương số càng tốt đẹp ở nhiều phương diện.

Phúc vô chính diệu rất cần gặp Tuần, không nên gặp Triệt. Nếu gặp Tuần thì hưởng phúc, sống lâu, gặp Triệt thì họ hàng khá giả nhưng không bền cho dù được nhiều sao tốt hội chiếu, còn bản thân dễ phải ly hương lập nghiệp, xa cách người thân.

6. ĐIỀN TRẠCH

Điền vô chính diệu thường là người không được hưởng di sản của cha ông để lại, phải tự tay tạo lập điền sản nhưng phải sau 40 tuổi mới hy vọng có chút tài sản của riêng mình.
Người có cung Điền vô chính diệu thường hay thay đổi chỗ ở, điền sản, cuộc đời cũng thăng trầm bất định, khi lên khi xuống, nhà đất khó giữ, cho dù có sao giữ của như Quả Tú. (Có quan điểm cho rằng: Điền vô chính diệu là khi đương số ra đời, kinh tế của bố mẹ đang gặp cảnh khó khăn, sau đó mới giàu có dần.)

- Nếu gặp Tuần Triệt án ngữ (hoặc Tuần, Triệt đồng cung) thì buổi đầu tuy gặp trắc trở trong việc tạo dựng điền sản, như: thường phải thay đổi chỗ ở, mua rồi lại phải bán đi, thành bại thất thường... nhưng sau dễ dàng thuận lợi. Tuy vậy, về già mới được ổn định nhưng nhà đất chỉ ở mức trung bình.
- Nếu cung Điền vô chính diệu đắc tam không thì điền sản tuy khá nhưng cũng không bền.

- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì trước gặp trắc trở nhưng càng về sau càng thuận lợi, nhiều nhà đất, điền sản. Trường hợp này nếu được Tuần Triệt án ngữ sẽ càng tốt hơn, đương số sẽ rất giàu có và có rất nhiều nhà đất.
- Nếu Hung sát tinh độc thủ thì tài sản tạo nên bất ngờ nhanh chóng, nhưng cũng lại suy bại khá nhanh, đặc biệt là Hỏa Linh Không Kiếp. Còn Kình Đà độc thủ thì tuy hoạnh phát hoạnh phá nhưng sau cùng vẫn được hưởng khá giả.

7. NÔ BỘC

Nô Bộc vô chính diệu thì bạn bè và người giúp việc (tôi tớ) không bền, dễ ly tán. Nếu gặp Tuần hoặc Triệt án ngữ thì tốt hơn, tôi tớ đắc lực hơn, lúc trước mướn người khó khăn nhưng sau thì dễ hơn nhưng tôi tớ cũng không được bền.

- Nếu Nô cung vô chính diệu, được Hung sát tinh độc thủ thì tôi tớ rất đắc lực nhưng thường hay lấn át chủ. Đương số có nhiều bạn bè tài giỏi, làm ăn táo bạo, nhưng thường nằm trong giới giang hồ, xã hội đen.
- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì thật tốt đẹp: Người giúp việc đắc lực, trung thành và có nhiều bạn bè khá giả, tận tâm giúp đỡ đương số.

8. PHỤ MẪU

Phụ Mẫu vô chính diệu thì đương số thường phải ly hương lập nghiệp, không được hưởng di sản của cha mẹ; cha mẹ thọ nhưng không giúp đỡ được con cái bao nhiêu, hoặc con cái không báo hiếu được cha mẹ nhiều. Nếu gặp Tuần hoặc Triệt án ngữ thì cha mẹ tuy được tốt hơn nhưng đương số dễ khắc cha hoặc khắc mẹ, hoặc đương số phải sớm xa cách cha mẹ, như xa quê vì mưu sinh hay đến làm con nuôi người khác.
Dù cung Phụ - Mẫu (vô chính diệu) có được nhiều cát tinh hội họp thì đương số cũng nên sớm xa gia đình, tốt nhất là xuất ngoại thì hậu vận mới mong có thể có công danh được.

9. PHU THÊ

Phu Thê vô chính diệu thì thường chậm lập gia đình, hoặc không yêu ai mặn nồng, chóng yêu chóng chán, không có xu hướng lập gia đình mạnh mẽ và thường lập gia đình một cách bất ngờ. Nên muộn lập gia đình để tránh bị hình, chia ly.

- Nếu gặp Tuần Triệt án ngữ thì buổi đầu tuy khó khăn, trắc trở nhưng sau được tốt hơn, tuy vậy cũng nên lập gia đình trễ, không nên lập gia đình sớm. Gặp Tuần tốt hơn gặp Triệt.
- Người Hỏa Mệnh, nếu được Đắc Tam Không thì rất tốt, vợ chồng may mắn, hòa thuận.
- Nếu Hung Sát tinh độc thủ thì vợ chồng tuy đều giỏi giang nhưng không hòa thuận, dễ hình khắc hoặc chia ly.
- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì vợ chồng tốt đẹp, hòa thuận.

10. TỬ TỨC

Tử Tức vô chính diệu thì thường không có con, ít con, hoặc chậm con, hoặc không nhờ cậy được con, hoặc con đầu lòng sinh ra khó nuôi. Nhưng nếu có Tuần, Triệt án ngữ thì đương số thường chậm có con hoặc sinh con ban đầu khó nuôi nhưng sau này con cái rất khá giả.

- Nếu Hung tinh đắc địa độc thủ thì con cái khá giả nhưng khó nuôi con hoặc muộn sinh con, hoặc con cái không hợp với cha mẹ.
- Nếu Tử Tức vô chính diệu, được Nhật Nguyệt sáng sủa hợp chiếu thì đương số sẽ thuận lợi, may mắn về đường con cái và con cái sau này khá giả, quí hiển. Trường hợp này nếu được thêm Tuần, Triệt án ngữ, nhất là Tuần, thì sự may mắn về đường con cái của đương số sẽ tăng thêm nhiều.

Nếu Tử Tức vô chính diệu mà Mệnh lại vô chính diệu nữa thì chắc chắn đương số cả đời vất vả về đường con cái, rất dễ rơi vào khả năng tuyệt tự, không có con.

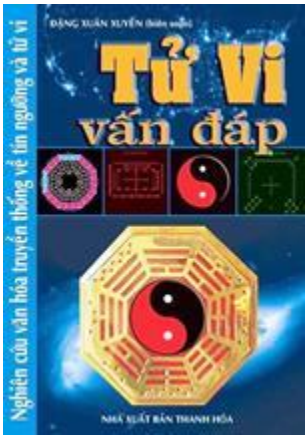
11. HUYNH ĐỆ

Huynh Đệ vô chính diệu thì thường không được nhờ cậy anh chị em, hoặc anh chị em ly tán, không ở gần anh chị em.

- Nếu được Tuần Triệt án ngữ thì tốt lên, nhưng anh (hoặc chị) trưởng thường chết sớm. Trường hợp này, anh chị em lúc tiền vận thường long đong nhưng về hậu vận sẽ khá giả.
- Nếu được Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì anh chị em thương yêu nhau, giúp đỡ nhau. Trường hợp này có thêm Tuần Triệt án ngữ thì càng tốt, anh chị em thuận hòa, quý hiển.

12. TẬT ÁCH

Cung Tật Ách vô chính diệu thì chắc chắn đương số là người khỏe mạnh, ít bệnh tật tai họa nhưng khi tai họa đến thì khó tránh khỏi, phải gánh chịu hậu quả xấu. Nhưng nếu được Tuần Triệt án ngữ thì thật tốt, đương số sẽ ít bệnh tật, tai họa.



Lời Kết

Để việc tự học đơn giản và hiệu quả, tự áp dụng kiến thức khoa Tử Vi vào luận giải lá số và ứng dụng vào cuộc sống, người viết đã cố viết thật đơn giản, thật dễ hiểu, thật ngắn gọn nhưng rõ nghĩa, đủ nghĩa những điểm căn bản, những lưu ý cần cẩn trọng với bạn đọc về 12 cung vô chính diệu trên lá số.

Hy vọng, những cố gắng của người viết sẽ (ít nhiều) giúp ích cho bạn đọc trong việc tự học, tự áp dụng kiến thức khoa Tử Vi vào cuộc sống!

Làng Đá, Quang Vinh, Ân Thi, Hưng Yên
ĐẶNG XUÂN XUYẾN

(Trích từ TỬ VI VẤN ĐÁP của Đặng Xuân Xuyến ; Nhà xuất bản Thanh Hóa 2009)